TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2023/HC-PT
Ngày: 14 /9 /2023
V/v: "Kiện QĐHC trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa.**

Các thẩm phán: - Ông **Lê Tự**

- Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 163/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3090/2023/QĐPT-HC ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Số B đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc T; Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T1- Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B*:* Ông Võ Quang H1 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Xin xét xử vắng mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lữ Thị G; Địa chỉ: Số B đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P; Địa chỉ: Số A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

2. Ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Nguyễn Văn H2; Địa chỉ: Số 15, buôn E Rông, xã Krông Na, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk

4. Bà Nguyễn Thị P;

5. Ông Nguyễn Văn D;

Cùng địa chỉ: Số A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Thị G, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D*:* Luật sư Văn H3 - Công ty L2, Đoàn luật sư tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H ***trình bày:*** Bà là con đẻ của ông Nguyễn Văn T3 (đã chết năm 2013) và bà Lữ Thị G; Quyền sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15, diện tích 50,8m^2, tại địa chỉ số B đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là đất ở của vợ chồng ông T3, là G; ông T3 và bà Giàu có 09 người con, trong đó có bà và 02 người con đã có gia đình riêng và tất cả đều chung sống trên thửa đất số 50; Tháng 01/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích nêu trên của gia đình bà G để xây dựng công trình: Mở rộng Trung tâm văn hóa tỉnh Đ.

Ngày 16/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số:8655/QĐ-UBND, giao cho bà Lữ Thị G làm đại diện những đồng thừa kế, 01 thửa đất tái định cư tại khu tái định cư đường Đ, phường T, thành phố B; Mặc dù bà đã làm đơn đề nghị UBND thành phố B giao cho bà 01 thửa đất tái định cư nhưng không được chấp nhận; Công văn số: 164/CVTTPTQĐ ngày 09/10/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B trả lời đơn của bà và cho rằng: Bà không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư. Bà tiếp tục làm đơn đề nghị được giao đất tái định cư; Ngày 12/5/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết

định số: 2850/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ bà Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3, 01 thửa đất tại Khu tái định cư tại địa chỉ số D đường L, phường T, thành phố B.

Việc UBND thành phố B, giao thêm cho bà G 01 thửa đất tái định cư là trái với quy định của pháp luật, bà làm đơn khiếu nại; Ngày 16/6/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Công văn số: 99/CV-TTPTQĐ trả lời đơn khiếu nại của bà và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số: 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thành phố B; Hủy Công văn số: 164/CV-TTPTQĐ ngày 09/10/2020 và Công văn số:99/CV-TTPTQĐ ngày 16/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; Buộc UBND thành phố B phải sửa Quyết định số: 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 là giao thửa đất tái định cư tại số D đường L, phường T, thành phố B cho bà.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố B ***trình bày:*** Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15, diện tích 50,5m^2 tại địa chỉ số B, đường H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, là đất ở, thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn T3 và bà Lữ Thị G; ông T3 chết ngày 26/10/2013, không để lại di chúc và để lại di sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên; Ngày 17/01/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 350/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ thửa đất nêu trên, để xây dựng khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đăk Lăk; Ngày 16/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 8655/QĐ-UBND giao cho gia đình bà Lữ Thị G 01 thửa đất tái định cư tại đường Đ, phường T, thành phố B.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ, thì gia đình bà L được giao thêm 01 thửa đất tái định cư. Vì vậy, ngày 12/5/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 2850/QĐ-UBND giao thêm cho hộ bà Lữ Thị G và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 01 thửa đất tại định cư, tại địa chỉ số D đường L, phường T, thành phố B, là đúng pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người bị kiện là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B***:*** Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T2***, ông*** Nguyễn Văn H2***, bà*** Nguyễn Thị P***, ông*** Nguyễn Văn D ***trình bày:*** Các ông, các bà là con đẻ ông Nguyễn Văn T3 và bà Lữ Thị G. Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15, diện tích 50,5m^2 tại địa chỉ số B, đường H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, là đất ở, thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn T3 và bà Lữ Thị G. Ngày 12/5/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2850/QĐ-UBND giao thêm cho hộ bà Lữ Thị G và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 01 thửa đất tại định cư tại địa chỉ

số D đường L, phường T, thành phố B, là đúng pháp luật; Các ông, các bà, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lữ Thị G ***trình bày:*** UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2850/QĐ-UBND giao thêm cho bà và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 01 thửa đất tại định cư tại địa chỉ số D đường L, phường T, thành phố B, là đúng pháp luật; Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 20/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

"Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 1 Điều 6 Quyết định số:39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số:27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Hủy Quyết định số: 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thành phố B về việc giao đất cho hộ Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3, 01 thửa đất tại Khu tái định cư D đường L, phường T, thành phố B.

2. Hủy Công văn số:164/CV-TTPTQĐ ngày 09/10/2020 và Công văn số:99/CV-TTPTQĐ ngày 16/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Buôn Ma Thuột

3. Buộc UBND thành phố B, phải ban hành Quyết định giao cho gia đình bà Nguyễn Thị H 01 thửa đất tại khu tái định cư, để làm nhà ở, theo quy định của pháp luật.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: Buộc UBND thành phố B, phải sửa Quyết định số:2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022, là giao thửa đất tái định cư tại số D đường L, phường T, thành phố B cho bà."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 233/QĐ-VKS-HC đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về hủy Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của U và yêu cầu giao đất tái định cư cho riêng hộ bà H; đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Công văn số 164/CV-TP05 ngày 09/10/2020 và Công văn số 99/CV-TTPTQĐ ngày 16/6/2022 của TTPTQĐ TP B.

Tại đơn kháng cáo không đề ngày, Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Ngày 28/3/2023, cụ Lữ Thị G, ông (bà) Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thể hiện ý chí vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên nội dung kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk, kháng cáo của người bị kiện, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hướng sửa bản án hành chính sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B để giao đất tái định cư cho hộ Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 do Nhà nước thu hồi đất, đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.1] Ngày 09/10/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B có Văn bản số 164/CV-TTPTQĐ có nội dung "*Ngày 15/7/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất* thành phố B *có Báo cáo số 130/BC-TTPTQĐ đề xuất UBND thành phố xem xét các trường hợp có nhu cầu về chỗ ở để xem xét giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất…Phòng Tài nguyên và Môi trường nhận thấy, qua kết quả xác minh thì bà* H *có hộ khẩu thường trú nhưng không thường xuyên ở tại căn nhà bị thu hồi đất. Thực tế bà* H *đã thuê nhà ở riêng tại* phường T*, thỉnh thoảng về thăm bà* G. *Vì vậy, không thống nhất đề xuất của Trung tâm Phát triển quỹ đất* thành phố B. *Trung tâm Phát triển quỹ đất* thành phố B *ghi nhận ý kiến gia đình và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố xem xét giải quyết đối với trường hợp của bà* Nguyễn Thị H".

[1.2] Ngày 16/5/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B có Văn bản số 99/CV-TTPTQĐ, có nội dung "*Qua nội dung đơn, Nhà nước thu hồi đất,*

bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Lữ Thị G *cùng những người thừa kế của ông* Nguyễn Văn T3*, nên UBND thành phố ban hành Quyết định giao "Thửa đất số 151 (thửa cũ A-34); tờ bản đồ số 24 với diện tích 77,6m^2 đất ở lâu dài tại* Khu tái định cư D L, phường T, thành phố B*" cho hộ bà* Lữ Thị G *cùng những người thừa kế của ông* Nguyễn Văn T3 *là đúng quy định. Qua xác minh trong số những người thừa kế của ông* Nguyễn Văn T3 *thì có hộ bà* Nguyễn Thị H *và ông* Nguyễn Văn D *là những người thừa kế của ông* Nguyễn Văn T3 *thực tế sinh sống tại vị trí đất bị thu hồi, nên có quyền lợi chung đối với thửa đất trên theo quy định của Pháp luật tại Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015*".

[1.3] Các văn bản trên đều của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B trả lời cho bà Nguyễn Thị H về vấn đề cấp đất tái định cư. Tuy nhiên, trung tâm Phát triển quỹ đất không có thẩm quyền cấp đất tái định cư mà chỉ có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố B xem xét, quyết định. Do đó những văn bản này không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H nên không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng quy định pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/9/2022, bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Vợ chồng cụ Lữ Thị G và cụ Nguyễn Văn T3 tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất có diện tích 50,8m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại số B đường H, phường T, thành phố B. Cụ T3 chết năm 2013 không có di chúc nên nhà đất tại số B H là tài sản chung của bà G và các con là bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn M2 và Nguyễn Văn D và tài sản này chưa được chia theo pháp luật.

[3.1] Ngày 17/01/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 350/QĐ-UBND, với nội dung: Thu hồi 50,8m^2 đất ở tại đô thị của bà Lữ Thị G và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3, thuộc toàn bộ thửa đất số 50, thuộc tờ bản đồ số 15 tại phường T, thành phố B. Lý do thu hồi: Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đăk Lăk. (bl 89)

[3.2] Ngày 16/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8655/QĐ-UBND để giao cho bà Lữ Thị G làm đại diện những đồng thừa kế, địa chỉ thường trú: Phường T, thành phố B, 01 thửa đất tại Khu tái định cư Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể như sau: Thửa số 48 (thửa cũ 26), tờ bản đồ 21 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 80,12m^2. Hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

[3.3] Ngày 12/5/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 2850/QĐ-UBND để "*giao cho hộ* Lữ Thị G *cùng những người thừa kế của ông* Nguyễn Văn T3*, địa chỉ thường trú:* Phường T, thành phố B*, 01 thửa đất tại* Khu tái định cư D L, phường T, thành phố B *để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể như sau: Thửa đất số 151 (thửa cũ A-34), tờ bản đồ 24, diện tích 77,6m^2. Hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất"*.

[3.4] Bà Nguyễn Thị H cho rằng vợ chồng bà đủ điều kiện để được giao đất tái định cư, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố B lại giao cho bà Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 là không đúng mà phải giao riêng cho bà H nên khởi kiện vụ án hành chính.

[3.5] Tại khoản 1 Điều 212 Bộ luật dân sự quy định sở hữu chung của các thành viên gia đình quy định "*Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung là tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan*"

[3.6] Tại Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định như sau:

"*Điều 15. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất.*

1.Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo diện tích đất thuộc quyền sử dụng; nếu không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì bồi thường chung cho các đối tượng có đồng quyền sử dụng đất"

[3.7] Đối chiếu với những quy định trên, thì sau khi Nhà nước thu hồi toàn bộ nhà đất số B đường H, phường T, xét thấy hộ gia đình bà Giàu có nhiều thành viên nên Ủy ban nhân dân thành phố B đã giao 02 lô đất là thửa số 48, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 151, tờ bản đồ 24 với hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Do 2 thửa đất được cấp tái định cư xuất phát từ việc thu hồi tài sản chung nên 2 thửa đất nêu trên cũng là tài sản chung của bà G và các con. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B đã "*giao cho hộ* Lữ Thị G *cùng những người thừa kế của ông* Nguyễn Văn T3" là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H với cụ G và những người thừa kế của cụ T3 không thể thỏa thuận khi phân chia 2 thửa đất tái định cư, thì bà H có quyền khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp đất tại Tòa án.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (*Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ*

gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình) để cho rằng bà H và 3 con đủ điều kiện tách thành hộ gia đình riêng nên đủ điều kiện được xem xét giao 01 thửa đất tại khu tái định cư để làm nhà ở là không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ, điều luật này phải được hiểu hộ gia đình bà Lữ Thị Giàu c nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng sống chung có đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng (như trường hợp của bà H nếu đủ điều kiện) thì Ủy ban nhân dân tỉnh Đ căn cứ vào tình hình tại địa phương mà quyết định số lượng thửa đất tái định cư cho hộ gia đình bà Lữ Thị G cũng các con, chứ không phải giao đất tái định cư cụ thể cho từng thành viên trong gia đình hộ bà Lữ Thị G.

[5] Với nhận định trên, kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố B, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk, kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B và kháng cáo của cụ Lữ Thị G, ông bà Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Áp dụng Điều 3, 143, 123 Luật tố tụng hành chính; Điều 212 Bộ luật dân sự; Điều 6, 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giao đất tái định cư cho hộ Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 01 thửa đất tại Khu tái định cư D đường L, phường T, thành phố B.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 123 Luật tố tụng hành chính.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Công văn số 164/CV-TTPTQĐ ngày 09/10/2020 và Công văn số 99/CV-TTPTQĐ ngày 16/6/2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân thành phố B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố B, cụ Lữ Thị G, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

5. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)		*(Đã ký)*
Nguyễn Tấn Long	**Lê Tự**	**Đinh Phước Hoà**